

Deloitte.



Bản tin Thuế

Tháng 5 năm 2017

Tài liệu in cho mục đích tham khảo, lưu hành nội bộ

Trong số này:

VĂN BẢN MỚI

Chỉ thị 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp	3
Chỉ thị chỉ ra các điểm tồn tại và hạn chế	3
Đưa ra một số biện pháp khắc phục	3
Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích	4
Bổ sung danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển.	5
Bổ sung Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	5
Thủ tục mới về cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài	6
Mở rộng hoàn thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") điện tử trên cả nước	7
Những nội dung bắt buộc phải có trên nhãn hàng hóa	8

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chính sách thuế đối với hoạt động chuyển giao tài sản vườn cây	8
Lãi vay của chủ Doanh nghiệp tư nhân được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	9
Chấp nhận chi phí mua hàng bằng thẻ cá nhân	9
Lãi tiền gửi được ưu đãi thuế theo điều kiện địa bàn	10
Khoản hỗ trợ phí vận chuyển cho nhà phân phối được tính chi phí được trừ	10

Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT")

Xuất hóa đơn đối với đơn vị kê khai thuế GTGT chung với công ty mẹ	12
Hướng dẫn chính sách thuế khi khai sai Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào	12
Kê khai nộp thuế GTGT đối với hoạt động hợp tác kinh doanh	12
Không được hoàn thuế GTGT khi chỉ thay đổi thành viên góp vốn	14
Doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh sau đó khôi phục hoạt động phải đăng ký lại phương pháp tính thuế GTGT	14
Trước 01/07/2016, khoảng sản xuất khẩu đã qua chế biến được hoàn thuế	14
Dự án "khách sạn", nếu không đủ điều kiện kinh doanh sẽ không được hoàn thuế	15
Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") đối với khoảng sản xuất khẩu	15
Chính sách khấu trừ thuế GTGT đối với mua hàng trả chậm	16
Xuất hóa đơn và kê khai, nộp thuế GTGT khi bán hàng hóa là nữ trang	17
Từ ngày 01/07/2016, hàng xuất khẩu bị khống chế hạn mức hoàn thuế GTGT	17

Thuế Nhà thầu nước ngoài ("NTNN")

Nhà thầu nước ngoài cũng được hưởng thuế GTGT 0% khi xây dựng công trình cho doanh nghiệp chế xuất (DNCX)	18
Thuế Nhà thầu dịch vụ thuê hỗ trợ y tế từ nước ngoài	18
Thuế Nhà thầu đối với dịch vụ tư vấn qua Internet	18

Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")

Tiền bồi thường hợp đồng không phải nộp thuế TNCN	19
Chứng từ khấu trừ thuế TNCN nếu sai sót phải lập lại	19
Thu nhập từ kinh doanh không đưa vào quyết toán thuế TNCN	20
Chiết khấu thương mại bằng tiền cho đại lý bán hàng là cá nhân chịu thuế TNCN	20

Hóa đơn

Hóa đơn điện tử để thanh toán bồi thường đối với các đơn vị bảo hiểm	20
Mất hóa đơn do bị giật túi xách được xem xét miễn phạt hành chính	21
Chính sách thuế liên quan đến người lao động và hóa đơn đầu ra	21
Chính sách thuế đối với hàng tồn thất trong quá trình vận chuyển	23

Thuế Xuất Nhập khẩu-Hải Quan

Hoàn thuế GTGT nhập khẩu	23
Về việc quy đổi giá bán lẻ về giá bán buôn để kiểm tra trị giá nhập khẩu	23
Hướng dẫn miễn thuế chống bán phá giá đối với hàng thuộc diện miễn thuế Nhập khẩu	24
Một số vấn đề liên quan đến C/O Form D	25
Hướng dẫn những thông tin tối thiểu phải ghi trên C/O Form EAV	25
Hướng dẫn kiểm soát chặt về C/O đối với một số mặt hàng	26

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN KHÁC

Không phải trường hợp thuê đất mới thì không được miễn tiền thuê đất	26
Hướng dẫn xử lý khôi phục mã số thuế ("MST") cho doanh nghiệp/chi nhánh đã hoàn thành thủ tục đóng MST nhưng trên Hệ thống đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) vẫn ở trạng thái đang hoạt động	27
Xác định lệ phí trước bạ với ô tô, xe máy	29
Góp vốn bằng tiền mặt nhưng rút vốn bằng quyền sử dụng đất	29

VĂN BẢN MỚI

Chỉ thị 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp

Ngày 17/05/2017, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ký Chỉ thị 20/CT-TTg yêu cầu chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Trong chỉ thị nêu rõ: thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII và các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội 05 năm 2016-2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình hành động của Chính phủ. Theo tinh thần đó, các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tích cực thực hiện với nhiều biện pháp cụ thể, đặc biệt là **đổi mới công tác xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, giảm thiểu phiền hà cho doanh nghiệp.**

Chỉ thị chỉ ra các điểm tồn tại và hạn chế:

- Còn những vụ việc gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp;
- Sự phối hợp giữa các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra chưa chặt chẽ;
- Thời gian thanh tra kéo dài;
- Nội dung thanh tra chưa rõ ràng, có khi vượt ra ngoài thẩm quyền quản lý;
- Chậm ban hành kết luận thanh tra, chưa làm rõ được dấu hiệu vi phạm, kiến nghị xử lý chưa cụ thể...

Đưa ra một số biện pháp khắc phục:

- Khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm **không** để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá **01 lần/năm** đối với doanh nghiệp; trường hợp kế hoạch thanh tra trùng lặp, chồng chéo với hoạt động Kiểm toán Nhà nước thì chủ động phối hợp, trao đổi với Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ để thống nhất phương án xử lý theo quy định hiện hành, đảm bảo sự kết quả thanh tra, kiểm toán,

không làm cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp. Cần tiến hành rà soát, điều chỉnh kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt theo tinh thần trên.

- Chỉ đạo tiến hành các cuộc thanh tra theo đúng định hướng, kế hoạch thanh tra đã phê duyệt; nội dung thanh tra phải giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước được giao; chủ động kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch thanh tra khi cần thiết theo hướng không làm tăng số cuộc thanh tra; ban hành kết luận thanh tra phải đúng thời hạn theo quy định.
- Trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, chỉ ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm rõ ràng; kết luận thanh tra, kiểm tra phải xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm. Người ra quyết định thanh tra, kiểm tra; trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra; công chức thanh tra chuyên ngành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kết luận, làm rõ nguyên nhân, mức độ vi phạm và việc xử lý đối với cá nhân, tổ chức có liên quan theo các dấu hiệu đã được xác định
- Trường hợp phát hiện thấy nội dung, phạm vi thanh tra có chồng chéo, trùng lặp với cơ quan thực hiện chức năng thanh tra khác hoặc Kiểm toán Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan tiến hành thanh tra phải báo cáo ngay với Thủ trưởng cơ quan hành chính cùng cấp, Cơ quan Thanh tra cấp trên và cơ quan, đơn vị có liên quan để có giải pháp phù hợp tránh chồng chéo, trùng lặp và đảm bảo tính kế thừa trong hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị.
- Khi phát hiện đơn vị, cá nhân để xảy ra tình trạng trùng lặp, chồng chéo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hiện hành.

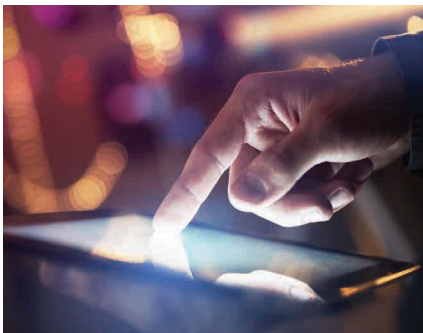
Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích

Ngày 28/04/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg về việc sửa đổi,

bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển kèm theo Quyết định 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Một số điểm đáng chú ý như sau:

Bổ sung danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển:

- Công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT);
- Công nghệ thực tại ảo (Virtual Reality); công nghệ thực tại tăng cường (Augmented Reality);
- Công nghệ vô tuyến thông minh;
- Công nghệ in 3 chiều (3D).



Bổ sung Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển:

- Mô-đun, thiết bị, phần mềm, giải pháp tích hợp IoT;
- Phần mềm, thiết bị, giải pháp, dịch vụ ảo hóa và điện toán đám mây;
- Phần mềm, thiết bị, giải pháp, dịch vụ cho chính quyền điện tử, doanh nghiệp điện tử, thương mại điện tử, đào tạo điện tử, quảng cáo điện tử; Phần mềm, thiết bị, giải pháp, dịch vụ thực tại ảo, thực tại tăng cường;
- Phần mềm, thiết bị, giải pháp vô tuyến thông minh;
- Phần mềm, thiết bị, giải pháp, dịch vụ kiểm thử phần mềm tự động;
- Dịch vụ tư vấn, thiết kế công nghệ thông tin;
- Dịch vụ tích hợp hệ thống công nghệ thông tin;
- Dịch vụ quản trị hệ thống công nghệ thông tin;
- Dịch vụ cho thuê hệ thống công nghệ thông tin;

- Dịch vụ xử lý, phân tích, khai thác cơ sở dữ liệu lớn (Big Data);
- Dịch vụ BPO, KPO, ITO điện tử;
- Dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Dịch vụ tạo lập nội dung số;
- Dịch vụ đánh giá, kiểm định an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin;
- Phần mềm, thiết bị, giải pháp, dịch vụ in 3 chiều (3D).
- Ngoài ra, Quyết định cũng sửa đổi tên 03 loại công nghệ và 03 sản phẩm công nghệ tại Danh mục công nghệ, sản phẩm công nghệ được ưu tiên phát triển ban hành kèm Quyết định 66/2014/QĐ-TTG.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/06/2017.

Thủ tục mới về cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài

Ngày 26/04/2017, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 602/QĐ-LĐT BXH hướng dẫn về thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ của lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Quyết định công bố kèm

hướng dẫn một số thủ tục mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bao gồm:

- Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài;
- Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động;
- Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Thu hồi giấy phép lao động;
- Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu;
- Thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Người đứng đầu Tổ chức Chính trị - Xã hội cấp Trung ương quyết định thành lập;

- Tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Người đứng đầu Tổ chức Chính trị - Xã hội cấp Trung ương quyết định;
- Thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập;
- Tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.



Mở rộng hoàn thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”) điện tử trên cả nước

Ngày 24/04/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 710/BĐ-BTC về việc triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hoàn thuế GTGT bằng phương thức điện tử. Một số nội dung đáng chú ý như sau:

- Kể từ ngày 01/05/2017, hình thức hoàn thuế điện tử sẽ được triển khai tại tất cả 63 tỉnh, thành trên cả nước, thay vì hiện nay chỉ mới triển khai thí điểm tại 13 tỉnh, thành;
- Hồ sơ được đề nghị hoàn thuế điện tử bao gồm các hồ sơ xin hoàn thuế GTGT của hàng hóa xuất khẩu và của dự án đầu tư đáp ứng đúng, đủ điều kiện hoàn thuế Giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế Giá trị gia tăng và Luật Quản lý thuế;
- Để được hoàn thuế điện tử, doanh nghiệp cần phải đăng ký và được Cơ quan Thuế chấp thuận thực hiện giao dịch điện tử theo quy định tại Thông tư 110/2015/TT-BTC;
- Quy trình hoàn thuế điện tử thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2790/QĐ-BTC ngày 27/12/2016.



Những nội dung bắt buộc phải có trên nhãn hàng hóa

Ngày 14/04/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2017/NĐ-CP quy định về nhãn hàng hóa. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/06/2017, bãi bỏ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP về nhãn hàng hóa. Một số nội dung đáng chú ý của Nghị định như sau:

- Quy định nội dung, cách ghi và quản lý Nhà nước về nhãn đối với hàng hóa lưu thông tại Việt Nam và hàng hóa nhập khẩu; áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Quy định cụ thể đối tượng không điều chỉnh của Nghị định;
- Bổ sung quy định kích thước của chữ và số phải bảo đảm đủ để đọc bằng mắt thường và đáp ứng các yêu cầu cụ thể;
- Nội dung bắt buộc phải có trên nhãn hàng hóa bao gồm:
 - Tên hàng hóa;
 - Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;
 - Xuất xứ hàng hóa

- Các nội dung khác tùy vào tính chất mỗi loại hàng hóa.

- Đưa ra một số quy định khác liên quan đến việc ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng trên nhãn hàng hóa, hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn, xuất xứ và các thông số kỹ thuật khác.

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chính sách thuế đối với hoạt động chuyển giao tài sản vườn cây

Ngày 20/04/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1514/TCT-CS hướng dẫn về chính sách thuế GTGT và thuế TNDN đối với hoạt động chuyển giao tài sản vườn cây cà phê của doanh nghiệp. Theo đó:

- Trường hợp việc chuyển nhượng vườn cây cà phê là tài sản gắn liền với đất thì thu nhập từ chuyển nhượng vườn cây cà phê là thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và không thuộc diện được ưu đãi thuế TNDN. Hoạt động chuyển nhượng bất động sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định.

- Trường hợp vườn cây không phải là tài sản gắn liền với đất thì:
 - Vườn cây nếu được xác định là sản phẩm trồng trọt thì hoạt động chuyển nhượng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC;
 - Vườn cây nếu được xác định là tài sản cố định thì hoạt động chuyển nhượng phải kê khai, nộp thuế GTGT với thuế suất 10%. Thu nhập từ hoạt động thanh lý vườn cây cà phê là thu nhập khác, khoản thu nhập này không thuộc khoản thu nhập từ thanh lý các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC.

Lãi vay của chủ Doanh nghiệp tư nhân được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN

Ngày 25/04/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 5396/BTC-TCT hướng dẫn về trường hợp lãi vay của chủ Doanh nghiệp tư nhân (“DNTN”) được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Theo đó, căn cứ quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật thuế TNDN,

trường hợp cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân (người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân), tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp tư nhân, đã góp đủ vốn đầu tư theo đăng ký, có thực hiện vay vốn theo hướng dẫn tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước thì khoản chi trả lãi vay được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu:

- Khoản chi phí lãi vay mà cá nhân chủ doanh nghiệp tư nhân đã trả cho tổ chức tín dụng phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân và;
- Có đủ chứng từ theo quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính cũng đã ghi nhận nội dung này để bổ sung quy định cụ thể tại các văn bản pháp lý có liên quan về chính sách thuế TNDN.

Chấp nhận chi phí mua hàng bằng thẻ cá nhân

Ngày 27/04/2017, Cục Thuế TP. Hà Nội đã ban hành Công văn số 24622/CT-TTHT hướng dẫn về trường hợp thanh toán chi phí mua hàng bằng thẻ cá nhân.

- Trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho người lao động thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ tín dụng cá nhân sau đó doanh nghiệp sẽ thanh toán lại bằng chuyển khoản, nếu hình thức thanh toán này được quy định cụ thể tại quy chế tài chính hoặc quyết định ủy quyền thanh toán và có đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh hàng hóa, dịch vụ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh ("SXKD") của doanh nghiệp thì được xem là đáp ứng điều kiện thanh toán không dùng tiền mặt khi xét khấu trừ thuế GTGT và hạch toán chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.
- Hồ sơ chứng minh bao gồm:
 - Hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ mang tên và MST của doanh nghiệp;
 - Hồ sơ liên quan đến việc ủy quyền cho người lao động thanh toán với người bán sau đó doanh nghiệp thanh toán lại;
 - Chứng từ chuyển tiền từ tài khoản thẻ tín dụng cá nhân sang cho người bán và chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của doanh nghiệp cho cá nhân.
- Ngoài ra, doanh nghiệp cần lập và lưu giữ danh sách các tài khoản thẻ tín dụng cá nhân của người lao động được ủy quyền thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ để xuất trình cho Cơ quan Thuế khi có yêu cầu.

Lãi tiền gửi được ưu đãi thuế theo điều kiện địa bàn

Ngày 27/04/2017, Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 24616/CT-TTHT hướng dẫn về chính sách ưu đãi thuế theo điều kiện địa bàn. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp (bao gồm cả Doanh nghiệp chế xuất) đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về địa bàn (bao gồm cả khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao) thì khoản thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn và có kỳ hạn) từ năm 2014 trở đi phát sinh trên địa bàn ưu đãi cũng được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Khoản hỗ trợ phí vận chuyển cho nhà phân phối được tính chi phí được trừ

Ngày 27/04/2017, Cục Thuế TP. Hà Nội đã ban hành Công văn số 24857/CT-TTHT hướng dẫn về chính sách thuế đối với khoản hỗ trợ phí vận chuyển cho nhà phân phối.



Trường hợp Công ty kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có bán hàng cho nhà phân phối, theo chính sách của Công ty có hỗ trợ cho nhà phân phối tiền vận chuyển từ kho của công ty để đưa về vùng tiêu thụ của nhà phân phối thì:

- **Về hóa đơn:** khoản tiền hỗ trợ nêu trên không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, không phải lập hóa đơn;
- **Về chi phí được trừ:** Trường hợp Công ty hỗ trợ phí vận chuyển cho nhà phân phối

giá trị hàng hóa mua vào hoặc thanh toán qua ngân hàng theo ủy nhiệm chi và được quy định cụ thể trong hợp đồng/ phụ lục hợp đồng, có biên bản xác nhận khoản hỗ trợ phí vận chuyển giữa hai bên thì công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành.

Thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”)

Xuất hóa đơn đối với đơn vị kê khai thuế GTGT chung với công ty mẹ

Ngày 17/05/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 2043/TCT-DNL hướng dẫn về việc xuất hóa đơn đối với đơn vị kê khai thuế GTGT chung với công ty mẹ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC quy định: *“Trường hợp tổ chức bán hàng có đơn vị trực thuộc có mã số thuế trực tiếp bán hàng thì ghi tên, địa chỉ, mã số thuế của đơn vị trực thuộc. Trường hợp đơn vị trực thuộc không có mã số thuế thì ghi mã số thuế của trụ sở chính...”*. Theo đó, trường hợp chi nhánh kê khai thuế GTGT tập trung tại công ty mẹ nhưng nếu chi nhánh có mã số thuế (“MST”) riêng thì trên hóa đơn mua, bán phải ghi tên, địa chỉ và MST của Chi nhánh mới phù hợp với quy định của pháp luật.

Hướng dẫn chính sách thuế khi khai sai Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào

Ngày 17/05/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 2048/TCT-KK hướng dẫn về chính sách thuế GTGT. Theo đó, việc Công ty khai sai trên bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào đối với các kỳ tính thuế trong năm 2013, 2014 mà không làm ảnh hưởng đến

các chỉ tiêu đã khai trên tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT của các kỳ tính thuế tương ứng theo thực tế phát sinh thì vẫn được chấp nhận số thuế GTGT đầu vào đã kê khai khấu trừ của Công ty.

Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính nếu còn trong thời hiệu xử phạt.

Kê khai nộp thuế GTGT đối với hoạt động hợp tác kinh doanh

Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1686/TCT-CS ngày 27/04/2017 trả lời về việc kê khai nộp thuế GTGT đối với hoạt động hợp tác kinh doanh.

- Trường hợp trong hợp đồng hợp tác kinh doanh có nêu cụ thể việc phân chia doanh thu và chi phí đã bao gồm thuế GTGT thì đơn vị được chọn để điều hành hoạt động hợp tác thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thuế GTGT của hoạt động hợp tác phải lập hóa đơn giao cho khách hàng sử dụng dịch vụ và kê khai thuế GTGT theo quy định.

- Khi nhận phần doanh thu được chia từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, bên được chia doanh thu lập hóa đơn GTGT theo quy định (trên hóa đơn ghi số doanh thu và thuế GTGT tương ứng).
- Khi chia chi phí cho bên đối tác, bên chia chi phí lập hóa đơn (trên hóa đơn ghi số chi phí và thuế GTGT tương ứng).
- Trường hợp trong hợp đồng hợp tác kinh doanh có nêu cụ thể việc phân chia doanh thu và chi phí **không** bao gồm thuế GTGT thì đơn vị được chọn để điều hành hoạt động hợp tác, thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thuế GTGT của hoạt động hợp tác phải lập hóa đơn giao cho khách hàng sử dụng dịch vụ và kê khai thuế GTGT theo quy định. Khi phân chia doanh thu, chi phí theo thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên không bao gồm thuế GTGT.



Không được hoàn thuế GTGT khi chỉ thay đổi thành viên góp vốn

Ngày 25/04/2017, Cục Thuế TP. Hà Nội đã ban hành Công văn số 23496/CT-TTHT giải đáp về chính sách hoàn thuế GTGT khi thay đổi thành viên góp vốn.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC, cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được xét hoàn thuế khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, nếu còn số thuế GTGT nộp thừa hoặc chưa khấu trừ hết.

Tuy nhiên, theo Công văn này, trường hợp doanh nghiệp là Công ty TNHH được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, công ty có một cá nhân chuyển nhượng toàn bộ 90% vốn góp thành lập công ty cho cá nhân khác. Sau khi công ty thực hiện thủ tục thay đổi thành viên góp vốn và vẫn hoạt động theo loại hình Công ty TNHH thì không thuộc trường hợp hoàn thuế theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC nêu trên.

Doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh sau đó khôi phục hoạt động phải đăng ký lại phương pháp tính thuế GTGT

Ngày 10/05/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1911/TCT-CS hướng dẫn về việc áp dụng phương pháp tính thuế GTGT. Theo đó, đối với doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh đã được Cơ quan Thuế đóng mã số thuế, sau đó khôi phục hoạt động thì việc áp dụng phương pháp tính thuế GTGT thực hiện như đối với doanh nghiệp mới thành lập theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Trước 01/07/2016, khoáng sản xuất khẩu đã qua chế biến được hoàn thuế

Công văn số 1736/TCT-CS được Tổng cục Thuế ban hành vào ngày 03/05/2017 hướng dẫn về chính sách thuế GTGT. Theo đó:

- Trước ngày 01/07/2016, sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản nếu được xác định là đã qua chế biến thành sản phẩm khác thì sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 0% và được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào.
- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị hoàn thuế cho sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 0% kỳ hoàn thuế từ tháng 11/2015

đến tháng 07/2016, nếu Cục Thuế qua kiểm tra hồ sơ xác định trên hồ sơ khai thuế GTGT tháng 07/2016 doanh nghiệp chỉ đề nghị hoàn thuế của số thuế GTGT được khấu trừ đối với hàng hóa xuất khẩu từ tháng 11/2015 đến tháng 06/2016 thì Cục Thuế xem xét giải quyết hoàn thuế cho doanh nghiệp theo quy định.

Dự án "khách sạn", nếu không đủ điều kiện kinh doanh sẽ không được hoàn thuế

Ngày 28/04/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1704/TCT-CS về việc hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13, dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành nghề có điều kiện nhưng chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động thì không được hoàn thuế GTGT. Mặt khác, theo Phụ lục 4 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Điều 64 Luật Du lịch số 44/2005/QH11, kinh doanh "khách sạn" thuộc ngành nghề kinh doanh lưu trú du lịch, là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Theo đó, trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư khách sạn nhưng chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động (các điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 64 Luật Du lịch số 44/2005/QH11) thì không được hoàn thuế GTGT.

Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") đối với khoáng sản xuất khẩu

Ngày 28/04/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1702/TCT-CS hướng dẫn về thuế GTGT đối với tài nguyên, khoáng sản xuất khẩu.

- Các sản phẩm xuất khẩu nếu được xác định là tài nguyên, khoáng sản chưa chế biến thành sản phẩm khác thì thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Công ty không được khấu trừ và không được hoàn thuế GTGT của những hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất sản phẩm xuất khẩu nêu trên.
- Các sản phẩm nêu trên nếu được xác định là tài nguyên, khoáng sản đã qua chế biến thành sản phẩm khác:

- Trước 01/07/2016, sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã qua chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định.
- Từ 01/07/2016, sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã qua chế biến thành sản phẩm khác phải xác định tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm. Nếu tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Nếu tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Chính sách khấu trừ thuế GTGT đối với mua hàng trả chậm

Ngày 25/04/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1637/TCT-CS hướng dẫn về việc khấu trừ thuế GTGT đối với mua hàng trả chậm.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 91/2014/NĐ-CP, từ ngày 15/11/2014 cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế Giá trị gia tăng đầu

vào trong trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng.

- Đến thời hạn thanh toán, cơ sở kinh doanh vẫn chưa thanh toán cho khách hàng nên chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì cơ sở kinh doanh chưa phải điều chỉnh giảm số thuế GTGT đã kê khai khấu trừ.
- Khi thanh toán thực tế, nếu cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng (thanh toán bằng tiền mặt hoặc các hình thức không được xác định là thanh toán qua ngân hàng) thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đã được khấu trừ tương ứng với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt.



Xuất hóa đơn và kê khai, nộp thuế GTGT khi bán hàng hóa là nữ trang

Ngày 28/04/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1716/TCT-CS hướng dẫn việc xuất hóa đơn và kê khai, nộp thuế GTGT khi bán hàng hóa là nữ trang. Theo đó, khi bán hàng hoá là nữ trang:

- Công ty thực hiện xuất hoá đơn bán hàng theo giá thực tế của sản phẩm và kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán vàng, bạc, đá quý, bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế Giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng.

Từ ngày 01/07/2016, hàng xuất khẩu bị khống chế hạn mức hoàn thuế GTGT

Ngày 28/04/2017, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1715/TCT-CS về việc hoàn thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Theo đó:

- Hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT hàng xuất khẩu kỳ hoàn thuế từ tháng 04/2016 đến tháng 07/2016 thì việc xác định số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được áp

dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC.

- Nếu công ty trong tháng/quý có hàng hoá, dịch vụ vừa xuất khẩu, vừa bán trong nước thì phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế GTGT, tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại.
- Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (bao gồm số thuế GTGT đầu vào hạch toán riêng được và số thuế GTGT đầu vào được phân bổ theo tỷ lệ nêu trên) nếu sau khi bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%.

Thuế Nhà thầu nước ngoài (“NTNN”)

Nhà thầu nước ngoài cũng được hưởng thuế GTGT 0% khi xây dựng công trình cho doanh nghiệp chế xuất (“DNCX”)

Ngày 28/04/2017, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1714/TCT-CS về thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động xây dựng nhà xưởng cho DNCX. Theo đó:

- Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động xây dựng, cải tạo công trình cho (DNCX) là Nhà thầu nước ngoài có Văn phòng điều hành (“VPĐH”) tại Việt Nam thì hoạt động xây dựng, cải tạo công trình của VPĐH ở trong khu phi thuế quan thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.
- Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình cho DNCX đồng thời cũng được khấu trừ/hoàn thuế nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC.

Thuế Nhà thầu dịch vụ thuế hỗ trợ y tế từ nước ngoài

Ngày 24/04/2017, Cục Thuế TP. Hà Nội đã ban hành Công văn số 22863/CT-TTHT về chính sách thuế Nhà thầu.

- Trường hợp Công ty ký hợp đồng với một Công ty ở nước ngoài để thuê dịch vụ hỗ trợ y tế (như tìm kiếm bác sỹ, cơ sở điều trị, khám chữa bệnh...) cho người lao động thì thu nhập từ hoạt động này thuộc đối tượng phải chịu thuế GTGT, TNDN đối với nhà thầu.
- Trường hợp bên nước ngoài thuộc diện được miễn thuế TNDN theo Hiệp định tránh đánh thuế thì phải làm thủ tục theo quy định hiện hành.

Thuế Nhà thầu đối với dịch vụ tư vấn qua Internet

Ngày 24/04/2017, Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 22857/CT-TTHT hướng dẫn về chính sách thuế nhà thầu.

- Trường hợp Nhà thầu nước ngoài cung cấp các dịch vụ về tư vấn pháp lý, tư vấn phát triển thị trường, tư vấn kỹ thuật... cho đơn vị thông qua các phương tiện như email, điện thoại, phần mềm và các ứng dụng liên lạc

thông qua kết nối Internet... thì dịch vụ này thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu bao gồm thuế GTGT và thuế TNDN theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính.

- Nếu nhà thầu thuộc đối tượng được miễn thuế TNDN theo Hiệp định tránh đánh thuế thì lập hồ sơ thông báo cho Cơ quan Thuế theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập cá nhân (“TNCN”)

Tiền bồi thường hợp đồng không phải nộp thuế TNCN

Ngày 10/05/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1873/TCT-TNCN giải đáp chính sách thuế liên quan đến tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng. Theo đó, trường hợp các cá nhân ký hợp đồng mua bán căn hộ với công ty, trong quá trình thực hiện dự án, do thi công không đúng tiến độ nên cá nhân tiến hành thanh lý hợp đồng, công ty hoàn trả số tiền góp vốn và bồi thường một khoản tiền cho cá nhân theo hợp đồng đã ký thì cá nhân **không phải** nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ bồi thường nêu trên.

Chứng từ khấu trừ thuế TNCN nếu sai sót phải lập lại

Ngày 24/04/2017, Cục Thuế TP. Hà Nội đã ban hành Công văn số 22845/CT-TTHT hướng dẫn về chính sách thuế TNCN.

- Trường hợp sau khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế TNCN, doanh nghiệp phát hiện hồ sơ đã nộp có sai sót thì được kê khai bổ sung. Nếu sau khi kê khai bổ sung hồ sơ thuế mà phát sinh số thuế TNCN nộp thừa thì được bù trừ với tiền thuế còn nợ, tiền thuế phải nộp của kỳ tiếp theo hoặc xin hoàn theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư 156/2013/TT-BTC.
- Về chứng từ khấu trừ thuế TNCN, nếu doanh nghiệp đã khấu trừ, lập và giao chứng từ khấu trừ thuế TNCN cho người lao động nhưng sau đó phát hiện sai sót thì phải lập biên bản ghi rõ nội dung sai, số, ngày chứng từ khấu trừ đã lập sai có chữ ký xác nhận của người lao động, đồng thời thu hồi chứng từ đã lập sai để lưu cùng biên bản và lập lại chứng từ mới thay thế.

Thu nhập từ kinh doanh không đưa vào quyết toán thuế TNCN

Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1864/TCT-TNCN vào ngày 09/05/2017 để hướng dẫn về vướng mắc liên quan đến hồ sơ quyết toán thuế TNCN theo mẫu 02/QTT-TNCN. Theo đó, việc quyết toán thuế TNCN theo quy định hiện hành chỉ quyết toán với nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công. Do đó, đối với cá nhân có thêm nguồn thu nhập từ kinh doanh thì khi quyết toán thuế TNCN không thực hiện tính nguồn thu nhập này vào hồ sơ quyết toán thuế TNCN theo mẫu 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính.

Chiết khấu thương mại bằng tiền cho đại lý bán hàng là cá nhân chịu thuế TNCN

Ngày 25/04/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1615/TCT-CS hướng dẫn về chính sách thuế đối với khoản chiết khấu thương mại bằng tiền.

- **Về thuế TNCN:** Trường hợp cá nhân là đại lý bán hàng hóa nếu được Công ty chi trả các khoản “chiết khấu thương mại” bằng tiền (không giảm trừ trực

tiếp trên hóa đơn) thì khoản tiền này thuộc diện chịu thuế TNCN.

- **Về thuế GTGT:** Trường hợp thực hiện khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại hoặc thực hiện chiết khấu thương mại thì giá tính thuế giá trị gia tăng được thực hiện theo hướng dẫn tại quy định về thuế GTGT.

Hóa đơn

Hóa đơn điện tử để thanh toán bồi thường đối với các đơn vị bảo hiểm

Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1773/TCT-DNL vào ngày 04/05/2017 hướng dẫn về vướng mắc liên quan đến hoá đơn điện tử thanh toán bồi thường bảo hiểm.

- Trường hợp khách hàng sử dụng hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn điện tử chuyển đổi ra giấy đáp ứng các điều kiện chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính để thanh toán tiền bồi thường bảo hiểm thì Công ty bảo hiểm căn cứ hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn điện tử chuyển đổi sang giấy để thực hiện bồi thường bảo hiểm cho khách hàng theo quy định.

- Để hạn chế tình trạng trục lợi bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm cần báo cáo các Cơ quan thẩm quyền có liên quan để hướng dẫn thực hiện việc thanh toán bồi thường bảo hiểm phù hợp với hình thức hóa đơn điện tử trên cơ sở đề xuất của Công ty như: đóng dấu xác nhận đã thanh toán tiền bồi thường trên hồ sơ khám chữa bệnh gốc của cá nhân theo quy định hoặc thực hiện kết nối dữ liệu điện tử giữa các doanh nghiệp bảo hiểm trên cơ sở dữ liệu gắn với hồ sơ cá nhân.

Mất hóa đơn do bị giật túi xách được xem xét miễn phạt hành chính

Ngày 28/04/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1703/TCT-CS về việc xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn. Theo đó, trường hợp Công ty gửi báo cáo tới Cục Thuế quản lý về việc mất hóa đơn liên 2 đã lập do bị cướp túi xách, hồ sơ gửi kèm theo gồm đơn trình báo và xác nhận của cơ quan Công an thì căn cứ vào tình hình thực tế về việc Công ty đã kê khai thuế đối với hóa đơn bị mất nêu trên chưa, sự tuân thủ pháp luật thuế của đơn vị để **xem xét không xử phạt** tiền đối với hành vi làm mất hóa đơn của đơn vị.

Chính sách thuế liên quan đến người lao động và hóa đơn đầu ra

Cục Thuế TP. Hà Nội đã ban hành Công văn số 24615/CT-TTHT ngày 27/04/2017 hướng dẫn một số điểm sau:

- Chi phí mua bảo hiểm cho người thân của cán bộ công nhân viên không được coi là khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động, Công ty không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNDN.
- Trường hợp lập hóa đơn sai tên/ địa chỉ người mua mà không sai mã số thuế thì hai bên lập biên bản điều chỉnh và **không** phải lập hóa đơn điều chỉnh.
- Khi Công ty có hàng hóa biếu tặng khách hàng thì Công ty có trách nhiệm lập hóa đơn. Nếu khách hàng không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế thì trên hóa đơn công ty ghi rõ "người mua không lấy hóa đơn" hoặc "người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế"

- Trường hợp Công ty ký hợp đồng thuê đào tạo với chuyên gia, Công ty thực hiện khấu trừ theo thuế suất 10% trên tổng mức chi trả từ 2 triệu đồng trở lên.
- Trường hợp Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng bị nhòe dấu thì:
 - Người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc. Trong biên bản ghi rõ liên 1 của hóa đơn người bán hàng khai, nộp thuế tháng nào, ký và ghi rõ họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu (nếu có) trên biên bản;
 - Người bán sao chụp liên 1 của hóa đơn, ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu trên bản sao hóa đơn để giao cho người mua;
 - Người mua được sử dụng hóa đơn bản sao có ký xác nhận, đóng dấu của người bán kèm theo biên bản về việc mất, cháy, hỏng liên 2 hóa đơn để làm chứng từ kế toán và kê khai thuế.



Chính sách thuế đối với hàng tồn thất trong quá trình vận chuyển

Ngày 24/04/2017, Cục Thuế TP. Hà Nội đã ban hành Công văn số 22860/CT-TTHT về chính sách thuế đối với hàng tồn thất trong quá trình vận chuyển.

Trường hợp Công ty thuê đơn vị chuyển phát nhanh vận chuyển lô hàng nhưng lô hàng bị thất lạc trong quá trình vận chuyển và đơn vị chuyển phát chịu trách nhiệm bồi thường một phần giá trị lô hàng thì:

- Công ty được khấu trừ thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của lô hàng bị thất lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC.
- Công ty được tính vào chi phí hợp lý phần giá trị tồn thất của lô hàng bị thất lạc không được bồi thường nêu trên.

Thuế Xuất Nhập khẩu-Hải Quan

Hoàn thuế GTGT nhập khẩu

Ngày 14/04/2015, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 2535/TCHQ-TXNK hướng dẫn về hoàn thuế GTGT. Theo đó, đối với các trường hợp có số tiền thuế

GTGT nộp thừa khâu nhập khẩu như nộp thuế hai lần cho một tờ khai, phải nộp thuế do nợ C/O nhưng sau đó đã bổ sung C/O và được chấp nhận cho hưởng thuế ưu đãi, đã nộp thuế nhưng sau đó hủy tờ khai, nộp thừa thuế do khai sai mã HS, thuế suất, trị giá tính thuế, xác định không đúng đối tượng chịu thuế nhưng sau đó đã được chấp nhận khai bổ sung thì số thuế GTGT nộp thừa sẽ được thực hiện hoàn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Thông tư 38/2015/TT-BTC.

Riêng đối với trường hợp hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, Tổng cục Hải quan cho biết Vụ Chính sách thuế đang nghiên cứu trình Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý. Tổng cục Hải quan sẽ có văn bản hướng dẫn sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

Về việc quy đổi giá bán lẻ về giá bán buôn để kiểm tra trị giá nhập khẩu

Ngày 18/04/2017, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 1232/TXNK-TGHQ hướng dẫn về tham vấn trị giá hải quan tiếp theo Công văn số 905/TCHQ-TXNK ngày 17/02/2017. Theo đó, Công văn 1232/TXNK-TGHQ hướng dẫn một số điểm đáng chú ý như sau:

- Trong việc thu thập thông tin để tham vấn, kiểm tra sau thông quan, bác bỏ trị giá khai báo, hướng dẫn doanh nghiệp khai báo bổ sung đối với mặt hàng ô tô nhập khẩu hướng dẫn tại khoản 2, mục III, Công văn 905/TCHQ-TXNK, theo đó đối với trường hợp không có invoice dealer để thu thập thông tin, Cơ quan Hải quan sẽ sử dụng giá MSRP là giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất, quy đổi về giá bán buôn trên cơ sở các nguồn thông tin thu thập được và tính chất hàng hóa của từng mặt hàng cụ thể để đánh giá và quy đổi về giá bán buôn theo tỷ lệ hợp lý.
- Trong việc quy đổi giá bán lẻ về giá bán buôn, giá bán lẻ thu thập được chỉ được trừ đi phần thuế tại nước xuất khẩu trong trường hợp hàng giống hệt, tương tự nhập khẩu có ghi rõ đã bao gồm thuế của nước xuất khẩu theo hướng dẫn tại khoản b.2.6, điều 5, quyết định 2344/QĐ-TCHQ ngày 07/08/2015. Trường hợp đã bao gồm thuế của nước xuất khẩu nhưng chưa rõ mức thuế thì thực hiện tra cứu thuế tại nước xuất khẩu.
- Trong việc đối chiếu giá nhập khẩu với giá được tham khảo tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu,

nhập khẩu rủi ro, trường hợp tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro chỉ có mức giá kiểm tra của xe ô tô năm 2016 thì thực hiện xem xét tỷ lệ % giá kiểm tra của dòng xe ô tô này sản xuất năm 2015 để làm cơ sở xác định dấu hiệu nghi vấn; phân loại, đánh giá mức độ tin cậy của các nguồn thông tin.

Hướng dẫn miễn thuế chống bán phá giá đối với hàng thuộc diện miễn thuế Nhập khẩu

Theo hướng dẫn tại Công văn số 17707/BTC-TCHQ ngày 14/12/2016 của Tổng cục Hải quan, việc áp dụng thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp (về thời điểm tính thuế, thời hạn nộp thuế, miễn thuế, hoàn thuế ...) trong các trường hợp liên quan như: hàng hóa nhập khẩu để SXKK, hàng hóa Nhập khẩu của DNCX để SXKK; hoàn thuế đối với hàng hóa Nhập khẩu đã nộp thuế Nhập khẩu nhưng phải tái xuất... được thực hiện như đối với thuế Nhập khẩu. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp nhập hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế Nhập khẩu thì cũng được miễn thuế chống bán phá giá.

Trên đây là hướng dẫn tại Công văn số 1383/TXNK-CST ngày 26/04/2017 của Tổng cục Hải quan.

Một số vấn đề liên quan đến C/O Form D

Ngày 26/04/2017, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 833/GSQL-GQ4 hướng dẫn về việc xử lý C/O, theo đó, một số vấn đề liên quan đến C/O form D được hướng dẫn như sau:

- Trường hợp C/O Form D có sự khác biệt giữa phong chữ và kích thước con dấu hoặc không đồng nhất về việc ghi thông tin cơ quan cấp C/O thì Cơ quan Hải quan có quyền nghi ngờ về tính hợp lệ và tiến hành thủ tục xác minh với cơ quan cấp C/O nước xuất khẩu.
- Theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BCT, khi hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ là “hàm lượng giá trị khu vực” (RVC) không dưới 40% thì tại ô số 8 trên C/O phải thể hiện trị giá RVC với tỷ lệ phần trăm đáp ứng quy định. C/O thể hiện những trị giá khác như RCV, CTH là không hợp lệ.
- Về thời hạn xác minh C/O Form D, theo Điều 18 Phụ lục 7 Thông tư số 21/2010/TT-BCT, Tổ chức cấp C/O phải trả lời kết quả xác minh trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nếu quá thời hạn này, các C/O không được xác minh, không được xem xét cho hưởng ưu đãi.

- Trong trường hợp nhận được phản hồi, Cơ quan Hải quan có thể chấp nhận và xem xét các giải trình của Tổ chức cấp C/O và đánh giá lại liệu C/O đó có được chấp nhận cho hưởng thuế suất ưu đãi hay không. Các giải trình của Tổ chức cấp C/O phải chi tiết và lý giải được những vấn đề mà Nước thành viên nhập khẩu đã đưa ra để từ chối cho hưởng ưu đãi.

Hướng dẫn những thông tin tối thiểu phải ghi trên C/O Form EAV

Ngày 14/04/2017, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 742/GSQL-GQ4 hướng dẫn về các thông tin ghi trên C/O mẫu EAV. Theo đó, C/O Form EAV bắt buộc phải khai báo đầy đủ các thông tin tối thiểu cần thiết được quy định tại điểm b Phụ lục IV, thông tư 21/2016/TT-BCT, gồm:

- Thông tin của người xuất khẩu hàng hóa (ghi tại ô số 1).
- Thông tin của người nhập khẩu (ô số 2).
- Số tham chiếu riêng, quốc gia cấp và quốc gia nộp C/O (ô số 4).
- Số và loại kiện hàng (ô số 7).

- Thông tin mô tả hàng hóa như mã HS, mẫu mã, thương hiệu (ô số 8).
- Tiêu chí xuất xứ (ô số 9).
- Số lượng sản phẩm (ô số 10).
- Số và ngày của hóa đơn nộp cho cơ quan được ủy quyền cấp C/O (ô số 11).
- Địa điểm và ngày phát hành C/O, chữ ký của người được ủy quyền và con dấu của cơ quan được ủy quyền (ô số 12).
- Xuất xứ của hàng hóa, địa điểm và ngày khai, chữ ký và con dấu của người khai (ô số 13).

Hướng dẫn kiểm soát chặt về C/O đối với một số mặt hàng

Ngày 27/04/2017, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 2846/TCHQ-GSQL về việc tăng cường công tác kiểm tra xuất xứ đối với nhôm nhập khẩu. Theo đó, TCHQ yêu cầu Hải quan các tỉnh phải tăng cường kiểm tra xuất xứ của các lô hàng nhôm nhập khẩu có đề nghị hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Quy trình kiểm tra xác định xuất xứ được xử lý theo Quyết định số 4286/QĐ-TCHQ ngày 31/12/2015 của Tổng cục Hải quan và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp có nghi vấn liên quan đến tính hợp lệ của C/O, các thông tin khai báo C/O hay xuất xứ thực tế của hàng hóa nhập khẩu (như có dấu hiệu giả mạo chữ ký, con dấu C/O, không phù hợp giữa thông tin về hàng hóa khai báo trên C/O với chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan,...) thì báo cáo về Tổng cục Hải quan để tiến hành xác minh. Trong thời gian chờ kết quả xác minh, thuế nhập khẩu áp dụng theo mức thuế suất ưu đãi MFN, không được hưởng thuế ưu đãi đặc biệt.

Tổng cục Hải quan cũng yêu cầu Hải quan các tỉnh kiểm tra, rà soát các lô hàng nhập khẩu nhôm đã cho hưởng thuế ưu đãi đặc biệt từ ngày 01/01/2016 đến hết tháng 04/2017. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm, các Cục Hải quan địa phương thực hiện kiểm tra sau thông quan và báo cáo kết quả về Tổng cục Hải quan.

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN KHÁC

Không phải trường hợp thuế đất mới thì không được miễn tiền thuê đất

Ngày 20/04/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1518/TCT-CS hướng dẫn về chính sách thu tiền thuê đất. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp được Cơ quan

Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu đất đang được Nhà nước giao, cho thuê và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định cho thuê và ký Hợp đồng thuê đất mới để thực hiện dự án đầu tư mới trên đất đang sử dụng (không thuộc trường hợp gia hạn hợp đồng thuê đất) thì không phải là trường hợp thuê đất mới nên không được xem xét miễn tiền thuê đất.

Hướng dẫn xử lý khôi phục mã số thuế ("MST") cho doanh nghiệp/chi nhánh đã hoàn thành thủ tục đóng MST nhưng trên Hệ thống đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) vẫn ở trạng thái đang hoạt động

Ngày 27/04/2017, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1685/TCT-KK về việc hướng dẫn xử lý khôi phục MST cho doanh nghiệp/chi nhánh đã hoàn thành thủ tục đóng MST nhưng trên Hệ thống đăng ký doanh nghiệp ("ĐKDN") vẫn ở trạng thái đang hoạt động.

Trường hợp doanh nghiệp/chi nhánh đã đề nghị đóng MST để giải thể nhưng chưa gửi hồ sơ giải thể đến cơ quan ĐKKD dẫn đến tình trạng pháp lý trên Hệ thống ĐKDN vẫn là đang hoạt động. Sau đó, doanh nghiệp có văn bản đề nghị Cơ quan Thuế khôi phục mã số thuế của doanh nghiệp/chi nhánh thì:

- Doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế theo mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính đến Cơ quan Thuế trực tiếp quản lý, trên văn bản đề nghị doanh nghiệp phải có cam kết "không có bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào sau thời gian Cơ quan Thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nếu có sẽ bị xử lý theo hành vi trốn thuế".
- Căn cứ vào hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế và cam kết của doanh nghiệp, Cơ quan Thuế trực tiếp quản lý doanh nghiệp có văn bản gửi Cục Thuế (nếu là Chi cục Thuế), Cục Thuế có văn bản gửi cơ quan đăng ký kinh doanh trên địa bàn đề nghị có ý kiến về việc doanh nghiệp đề nghị được khôi phục mã số thuế của doanh nghiệp hoặc chi nhánh khi mã số thuế đã bị chấm dứt hiệu lực tại Cơ quan Thuế theo quy định nhưng tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp vẫn là đang hoạt động để cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp.

- Sau khi nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan đăng ký kinh doanh, Cơ quan Thuế trực tiếp quản lý doanh nghiệp thực hiện:

- Nếu trong văn bản của cơ quan đăng ký kinh doanh xác định doanh nghiệp đã gửi báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định và cơ quan đăng ký kinh doanh đã thực hiện xử phạt hành vi vi phạm quy định về giải thể doanh nghiệp, về chấm dứt hoạt động chi nhánh theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thì Cơ quan Thuế trực tiếp quản lý người nộp thuế (Chi cục Thuế) có văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế cho doanh nghiệp hoặc chi nhánh gửi Cục Thuế. Cục Thuế gửi văn bản về Tổng cục Thuế để đề nghị khôi phục mã số thuế cho doanh nghiệp hoặc chi nhánh trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Nếu doanh nghiệp không gửi báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp hoặc chi nhánh không được khôi phục

mã số thuế. Trường hợp doanh nghiệp hoặc chi nhánh hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại thì doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp để được cấp mã số thuế mới.



Trường hợp doanh nghiệp/chi nhánh bị đóng MST do bỏ địa chỉ kinh doanh nhưng trên Hệ thống ĐKDN vẫn còn tình trạng đang hoạt động, nếu nay muốn khôi phục MST thì:

- Cơ quan Thuế trực tiếp quản lý doanh nghiệp lập danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hóa đơn, số tiền thuế còn nợ, số tiền phạt, tiền chậm nộp (nếu có), thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn theo quy định và yêu cầu doanh nghiệp hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ thuế
- Thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở kinh doanh của doanh nghiệp và lập Biên bản xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký của doanh

phải ký xác nhận vào Biên bản) theo hướng dẫn tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC và quy trình quy định về trình tự thủ tục xác minh tình trạng hoạt động, thông báo công khai thông tin, xử lý và khôi phục mã số thuế đối với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với Cơ quan Thuế ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-TCT ngày 5/4/2017 của Tổng cục Thuế.

- Cục Thuế gửi văn bản cho Tổng cục Thuế để đề nghị khôi phục mã số thuế cho doanh nghiệp hoặc chi nhánh trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo quy định.

Xác định lệ phí trước bạ với ô tô, xe máy

Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1697/TCT-TNCN ngày 28/04/2017 hướng dẫn về vướng mắc khi thực hiện Thông tư số 304/2016/TT-BTC.

- Trường hợp giá chuyển nhượng ô tô, xe máy thực tế trên thị trường tăng nhưng chưa đến 20% so với giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ là giá theo Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành.

- Trường hợp giá thị trường tăng 20% trở lên thì Chi cục Thuế thực hiện áp dụng giá tính lệ phí trước bạ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 304/2016/TT-BTC.

Góp vốn bằng tiền mặt nhưng rút vốn bằng quyền sử dụng đất

Ngày 28/04/2017, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1701/TCT-CS quy định về trường hợp rút vốn bằng quyền sử dụng đất thuê của Nhà nước.

- Trường hợp các thành viên cùng góp vốn bằng tiền mặt để thành lập Công ty TNHH thì khi rút vốn đã góp ra khỏi Công ty phải thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Đối với trường hợp các thành viên góp vốn bằng tiền mặt để thành lập Công ty TNHH nhưng nay các thành viên rút vốn đã góp bằng hình thức tách thửa đất mà Công ty thuê của Nhà nước, Tổng cục Thuế đề nghị Cục Thuế liên hệ với Sở Tài nguyên & Môi trường tại địa phương để xác định việc rút vốn này có phù hợp với quy định của Luật đất đai hay không để xác định đúng bản chất hoạt động rút vốn đã góp để hướng dẫn đơn vị thực hiện.



Liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Thomas McClelland

Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Tư vấn Thuế
Tel: +84 8 3910 0751
tmcclelland@deloitte.com

Bùi Ngọc Tuấn

Phó Tổng Giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 4 6268 3568
tbui@deloitte.com

Bùi Tuấn Minh

Phó Tổng Giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 4 6268 3568
mbui@deloitte.com

Phan Vũ Hoàng

Phó Tổng Giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 8 3910 0751
hoangphan@deloitte.com

Dion Thái Phương

Phó Tổng Giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 8 3910 0751
dthai@deloitte.com

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Quận 1
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750

Website: www.deloitte.com/vn
Email: deloittevietnam@deloitte.com



Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Deloitte cung cấp các dịch vụ kiểm toán, tư vấn, giải pháp tài chính, tư vấn quản trị rủi ro, tư vấn thuế và các dịch vụ liên quan cho các khách hàng tư nhân hoặc các công ty công hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Deloitte cung cấp dịch vụ cho 80% các doanh nghiệp trong danh sách Fortune Global 500®. Với mạng lưới các hãng thành viên kết nối toàn cầu tại hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ, Deloitte mang đến năng lực đẳng cấp toàn cầu và các dịch vụ chất lượng vượt trội, cung cấp tới các khách hàng những hiểu biết cần thiết để giải quyết những vấn đề kinh doanh phức tạp nhất. Vui lòng kết nối với chúng tôi tại Facebook, LinkedIn hoặc Twitter để hiểu thêm về những hoạt động đang được thực hiện bởi khoảng 245.000 chuyên gia tư vấn của Deloitte nhằm kiến tạo và lan tỏa những ảnh hưởng tích cực đến xã hội.

[Giới thiệu về Deloitte Đông Nam Á](#)

Deloitte Đông Nam Á là một hãng thành viên của Deloitte hoạt động tại Brunei, Campuchia, Guam, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam được thành lập để cung cấp những dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu cụ thể của các công ty, tập đoàn lớn có tốc độ phát triển nhanh trong khu vực.

Với hơn 290 Partners và 7.400 nhân viên chuyên nghiệp làm việc tại 25 văn phòng, các công ty con và công ty liên kết của Deloitte Đông Nam Á kết hợp kỹ thuật chuyên môn sâu rộng cùng sự am hiểu về nhiều lĩnh vực để cung cấp các dịch vụ chất lượng cao và nhất quán tới các doanh nghiệp trong toàn khu vực.

Các dịch vụ được cung cấp thông qua các văn phòng ở các nước thành viên, công ty con và công ty liên kết. Những công ty này là những pháp nhân riêng biệt.

[Giới thiệu về Deloitte Việt Nam](#)

Deloitte Việt Nam là Công ty tiên phong trong lĩnh vực Tư vấn và Kiểm toán với kinh nghiệm hơn 25 năm tại thị trường Việt Nam, và là thành viên của một trong Bốn hãng cung cấp dịch vụ chuyên ngành lớn nhất trên thế giới. Với khoảng 800 nhân viên làm việc tại văn phòng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được tiếp cận với toàn bộ thế mạnh của Deloitte Đông Nam Á với các hãng thành viên tại Brunei, Campuchia, Guam, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore và Thái Lan, thông qua mạng lưới rộng lớn này, Deloitte Việt Nam cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng tới khách hàng bao gồm Dịch vụ tư vấn Thuế, Tư vấn Tài chính, Tư vấn Quản trị rủi ro, Kiểm toán, và các Dịch vụ Đào tạo chuyên ngành.

